

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2547/QĐ - UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 8 năm 2019

A Khoa

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương định giá rừng đặc dụng,
phòng hộ, sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phương pháp định giá rừng, khung giá rừng;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức lao động trong điều tra quy hoạch rừng;

Căn cứ Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 2643/TTr-SNN ngày 04/7/2019 đề nghị phê duyệt Đề cương định giá rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương định giá rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với các nội dung sau:



1. Tên dự án: Đề cương định giá rừng rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đồng Nai.

3. Mục tiêu: Điều tra, thu thập trữ lượng, chất lượng các loại rừng; các cơ chế chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; các thông tin về quản lý, sử dụng, kinh doanh 03 loại rừng, tổng giá trị kinh tế của rừng để: Xác định được giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; xác định được khung giá rừng, quy định giá tối thiểu và giá tối đa cho các loại rừng, làm căn cứ xây dựng bảng giá các loại rừng của tỉnh Đồng Nai.

4. Phạm vi: Toàn bộ diện tích rừng nằm trong quy hoạch 03 loại rừng, cụ thể: Tổng diện tích đất có rừng 163.240,05 ha (rừng tự nhiên 123.034,74 ha; rừng trồng 40.169,31ha). Trong đó: Rừng đặc dụng 109.486,61 ha; rừng phòng hộ 29.872,12 ha; rừng sản xuất 23.845,32 ha.

5. Nội dung và phương pháp

a) Nội dung

- Chuẩn bị số liệu, bản đồ có liên quan đến công trình điều tra; xây dựng đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí;

- Thu thập kế thừa số liệu, các chương trình, dự án của các địa phương đơn vị chủ rừng;

- Tổ chức điều tra rừng tự nhiên và rừng trồng có chức năng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất;

- Điều tra, xác định doanh thu, giá quyền sử dụng rừng;

- Tính toán nội nghiệp và tổng hợp viết thuyết minh báo cáo.

b) Phương pháp thực hiện

- Về công tác điều tra rừng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng để thu thập, tổng hợp, xác định tổng trữ lượng gỗ và trữ lượng gỗ bình quân theo từng nhóm gỗ cho khu rừng.

- Về phương pháp định giá rừng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phương pháp định giá rừng, khung giá rừng.

6. Sản phẩm giao nộp: 03 bộ

- Báo cáo định giá rừng, khung giá rừng cho 03 loại rừng: Đặc dụng, phòng hộ, sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Bản đồ hiện trạng rừng toàn tỉnh, tỷ lệ 1/100.000;

- Dự thảo Quyết định ban hành giá rừng và khung giá rừng tỉnh Đồng Nai.

7. Kinh phí thực hiện: 3.588.042.061 đồng, (Ba tỉ, năm trăm tám mươi tám triệu, không trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi một đồng). Chi tiết có bảng dự toán kèm theo

8. Nguồn vốn: Sử dụng từ nguồn ngân sách tỉnh.

9. Thời gian thực hiện: 12 tháng, kể từ khi đề cương được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chi cục Kiểm lâm tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và môi trường, Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Các PCVP. UBND tỉnh;
 - Công TTĐT tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN.
- (Khoa.KTN/472, Qđđínhgiarung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Võ Văn Chánh